

KẾ HOẠCH

Dự kiến thu - chi các khoản đóng góp trong nhà trường Năm học 2024-2025

A. CĂN CỨ PHÁP LÍ:

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Kiến An về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024;

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với CSGD thuộc hệ thống GD quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực GD, ĐT;

Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với CSGD thuộc hệ thống GD quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực GD, ĐT;

Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Hướng dẫn số 1912/SNV-CCVC ngày 25/8/2017 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng về việc ký kết và thực hiện chế độ tiền lương đối với hợp đồng lao động tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn Liên sở 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Liên Sở GDĐT và Sở Tài chính thành phố thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố; Công văn 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở GDĐT về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025; Công văn 2773/SGDĐT-KHTC ngày 12/9/2024 của Sở GDĐT về việc thực hiện tăng cường công tác quản lý các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025 sau cơn bão số 3 (bão Yagi); Công văn 2858/UBND-GDĐT ngày 23/9/2024 của UBND quận Kiến An về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025; tăng cường quản lý các khoản thu sau cơn bão số 3 (bão Yagi);

Căn cứ Kế hoạch Liên ngành số 01/KH-LN ngày 12/9/2023 giữa Liên ngành phòng GD&ĐT và Quận đoàn Kiến An về triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-

2027; Công văn số 86-CV/ĐTN ngày 19/9/2024 của BCH Quận đoàn Kiến An về việc tham gia quỹ “Vòng tay bè bạn” năm học 2024-2025; Công văn Số 87-CV/ĐTN ngày 19/9/2024 của BCH Quận đoàn Kiến An về việc phát hành báo Đội năm học 2024-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Bộ GD&ĐT ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; Hướng dẫn số 146/SGDĐT-TTr ngày 14/02/2017 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn thực hiện Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, quản lý sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện;

Công văn 2543/UBND- BHHX ngày 26/8/2024 của UBND quận Kiến An về việc triển khai thực hiện chính sách BHYT HS, SV năm học 2024-2025; Công văn số 398/BHHX-TST ngày 23/8/2024 của BHHX quận Kiến An về việc hướng dẫn thực hiện triển khai BHYT HS, SV năm học 2024-2025;

Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ban hành quy định quản lý hoạt động GD kỹ năng sống và hoạt động GD ngoài giờ chính khóa; Căn cứ Công văn số 2301/SGDĐT- GDTX&ĐH ngày 01/8/2024 của Sở GD&ĐT về việc cung cấp danh sách để quản lý, tổ chức và hoạt động của các TT NN, TH, GD KNS, HGDNGCK (8/2024);

Căn cứ kết quả họp thống nhất của Hội đồng sư phạm nhà trường; Ban đại diện CMHS nhà trường và các lớp; số lượng đơn đăng kí tự nguyện của học sinh;

Căn cứ các chế độ định mức quy định hiện hành;

Căn cứ điều kiện thực tế và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 của nhà trường;

Trường Tiểu học Đồng Hòa xây dựng Kế hoạch dự kiến các khoản thu- chi năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đảm bảo chế độ chính sách đối với cán bộ giáo viên, nhân viên, hợp đồng lao động.
2. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, quản lý hồ sơ, lưu trữ chứng từ.
3. Quản lý tốt tài chính, tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường. Thực hiện việc đầu tư, tu bổ cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động giáo dục, làm tốt công tác vận động tài trợ giáo dục với tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng nhà trường ngày càng phát triển hiện đại, thân thiện.
4. Nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc bán trú, quản lý nguồn thu - chi các quỹ hiệu quả, tiết kiệm, theo đúng quy định.

C. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán thống kê

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2024-2025, bộ phận tài chính thực hiện chỉ đạo của ban Giám hiệu kết hợp với các tổ khối chuyên môn tiến hành triển khai các công việc cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch thu chi năm học 2024-2025.
- Tổ chức các hội nghị xin ý kiến về kế hoạch thu chi năm học 2024-2025 gồm các bước sau:
- + Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Cấp uỷ, Ban giám hiệu nhà trường.

+ Tổ chức lấy ý kiến tham gia đóng góp vào kế hoạch thu chi của Hội đồng sư phạm nhà trường.

+ Tổ chức lấy ý kiến tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp (*HN Ban đại diện CMHS mở rộng*).

- Triển khai kế hoạch thu chi đến 100% phụ huynh học sinh toàn trường thông qua cuộc họp phụ huynh học sinh đầu năm.

- Báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Báo cáo các khoản thu, chi với UBND quận thông qua phòng TCKH và PGDĐT để thẩm định.

- Mở các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định.

- Thực hiện thu-chi theo đúng qui định và được kiểm soát qua Kho bạc, đảm bảo thu chi tiết kiệm, hiệu quả.

2. Quản lý thu - chi tài chính

- Việc quản lý thu, chi trong nhà trường thực hiện đúng quy định của nhà nước.

- Thực hiện tốt các quy định về miễn, giảm, hỗ trợ, đảm bảo tất cả các đối tượng chính sách đều được hưởng chế độ đãi ngộ của Nhà nước.

- Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo nguyên tắc: *Minh bạch, dân chủ, tự chủ và tự chịu trách nhiệm*, nêu cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tất cả các khoản thu trong nhà trường đều được thông báo công khai đến từng cha mẹ học sinh (*nêu rõ những khoản thu theo quy định; các khoản thu hộ, thu theo thỏa thuận, có tính chất hoạt động dịch vụ, hỗ trợ giáo dục; các khoản tiếp nhận tài trợ*). Các khoản tài trợ, ủng hộ đảm bảo theo tinh thần tự nguyện.

- Các khoản thu, chi đều được kế toán hạch toán, quyết toán trên hệ thống sổ sách theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/0/2017 của Bộ tài chính.

- Thực hiện chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý đối với các khoản thu của nhà trường.

D. KẾ HOẠCH THU - CHI:

I. CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GDĐT.

Theo định mức quy định tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn Liên sở 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Liên Sở GDĐT và Sở Tài chính thành phố thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố về sửa đổi, bổ sung Điều



3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố. Triển khai với HS có nhu cầu tự nguyện đăng kí. Có chính sách miễn giảm với HS thuộc diện chính sách và hoàn cảnh khó khăn (Có hồ sơ lưu).

1. Đối với khoản thu phục vụ tổ chức bán trú:

1.1. Ăn bán trú: (HS ăn bán trú bữa nào tính tiền bữa đó và thu theo tháng)

a. Dự kiến thu: 30.000đ/HS/ngày

b. Dự kiến chi: * Bữa chính + bữa phụ: 28.500đ/ngày * Ga: 1 500đ/ngày

1.2. Mua sắm cơ sở vật chất bán trú:

a. **Dự kiến thu:** Theo năm học

- Khối 1: 250 000đ/HS/năm x 190 HS khối 1 = 47 500 000đ

- Khối 2,3: 150 000đ/HS/năm x 310 HS khối 2,3 = 46 500 000đ

- Khối 4,5: 100 000đ/HS/năm x 260 HS khối 4,5 = 26 000 000đ

Tổng thu dự kiến: 120 000 000đ

b. **Dự kiến chi:** 100% Mua sắm cơ sở vật chất bán trú

TT	MỤC CHI	SỐ TIỀN (đồng)
1	Mua tủ đựng chăn, gối cho HS bán trú (02 chiếc).	9 000 000
2	Mua khay ăn, bát, thìa, nồi, đồ dùng bếp bán trú, xà phòng, nước rửa bát, bàn chải,	46 000 000
3	Mua chăn, gối, cho HS bán trú	40 000 000
4	Giặt chăn gối định kì	25 000 000
	Tổng	120 000 000

2. Đối với khoản thu chăm sóc bán trú:

2.1. Khoản thu hỗ trợ người nấu ăn, người chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý

- Định mức theo NQ 02: 150.000đ/tháng đối với lớp 2 buổi/ngày.

a. **Dự kiến thu:**

Khối	Số HS	Số buổi/tuần	Số tiền/HS/tháng	Số tiền 9 tháng
1,2,3	510	5	150.000đ	688 500 000đ
4,5	290	3	90.000đ	234 900 000đ

Tổng thu dự kiến: 923 400 000 đ

b. **Dự kiến chi:**

TT	MỤC CHI	%	SỐ TIỀN (đồng)
1.	Chi lương cô nuôi, người vận chuyển	49%	452 466 000
2.	Cô trông trưa bán trú.	39%	360 126 000
3.	Chi công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát bán trú.	10%	92 340 000
4.	Thuế (Các khoản nghĩa vụ khác)	2%	18 468 000

* Tiền công 6 cô nuôi HĐ: 7 400 000 x 6 người x 9 tháng = 399 600 000đ

- Tiền trách nhiệm (Bếp trưởng): 500 000 x 9 tháng = 4 500 000đ

- Tiền trả người vận chuyển đồ ăn xuống CS2: $3\,300\,000 \times 9 \text{ tháng} = 29\,700\,000đ$

2.2. Khoản thu quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính (đầu giờ học và sau khi kết thúc buổi học khi CMHS có nhu cầu)

- Định mức thu theo NQ 02: 10.000đồng/hs/giờ (không quá 3 giờ/ngày), thu theo tháng theo thỏa thuận tự nguyện với CMHS.

a. Dự kiến thu:

Số tiết học/ngày các khối:

	Học 2 buổi/ngày		Học 1 buổi/ngày		Tổng số buổi/tuần	Tổng số tiết/tuần	Giờ về	
	7 tiết /ngày	8 tiết /ngày	4 tiết /ngày	5 tiết /ngày			Sáng	Chiều
Khối 1	4 ngày	1 ngày			10	36		16h55
Khối 2	3 ngày	1 ngày			10	37		17h00
Khối 3	5 ngày				10	34		16h55
Khối 4	2 ngày	1 ngày		2 ngày	8	32	10h30	17h00
Khối 5	2 ngày	1 ngày		2 ngày			10h30	17h05

Thời gian trông trẻ/tuần:

	Học 7 tiết /ngày	Học 8 tiết /ngày	Học 4 tiết /ngày	Học 5 tiết /ngày	Thời gian trông trẻ/tuần	Thời gian trông trẻ/tháng
Khối 1	85 ph x 4	50 ph x 1			390 ph = 6,5 giờ	26 giờ
Khối 2	90 ph x 4	55 ph x 1			415 ph = 7 giờ	28 giờ
Khối 3	85 ph x 5				425 ph = 7 giờ	28 giờ
Khối 4	C55 ph x 4	S 70 ph x 1	S 35 ph x 2	C20 ph x 1	380 ph = 6.5 giờ	25,3 giờ
Khối 5	C60 ph x 2		S 35 ph x 4	C95 ph x 1	355 ph = 6 giờ	24 giờ

Dự kiến thu:

- Khối 1: $260\,000/\text{HS}/\text{tháng} \times 215 \text{ HS K1} \times 9\text{T} = 503\,100\,000đ$
- Khối 2, 3: $280\,000/\text{HS}/\text{tháng} \times 385 \text{ HS K2,3} \times 9\text{T} = 970\,200\,000đ$
- Khối 4: $253\,000/\text{HS}/\text{tháng} \times 230 \text{ HS K4} \times 9\text{T} = 523\,710\,000đ$
- Khối 5: $240\,000/\text{HS}/\text{tháng} \times 210 \text{ HS K5} \times 9\text{T} = 453\,600\,000đ$

Tổng thu dự kiến: 2 450 610 000đ

b. Dự kiến chi:

TT	MỤC CHI	%	SỐ TIỀN (đồng)
1	Chi trả GVCN	77%	1 886 969 700
2	Chi công tác quản lý, giám sát.	21%	514 628 100
3	Thuế (Các khoản nghĩa vụ khác)	2%	49 012 200

3. Dạy học 2 buổi/ngày: Thu 30 000đ/HS/tháng, thu theo tháng với Khối 1-3

a. Dự kiến thu: - Khối 1-3: $30\,000/\text{HS}/\text{tháng} \times 600 \text{ HS K1-3} \times 9\text{T} = 162\,000\,000đ$

Tổng thu dự kiến: 162 000 000đ

b. Dự kiến chi:

TT	MỤC CHI	%	SỐ TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ trả tiền điện, nước	30 %	48 600 000
2	Hỗ trợ cơ sở vật chất.	70%	113 400 000

4. Đối với khoản thu học thêm (Khi CMHS có nhu cầu)

4.1. Học Tiếng Anh tự chọn (liên kết với TT ngoại ngữ, tin học Tiên Phát hợp đồng 02 GV Tiếng Anh) (thu theo tháng với HS K 1,2 có nhu cầu tự nguyện đăng kí):

a. **Dự kiến thu:** Mức thu 12 000đ/HS/tiết

- Khối 1,2: 12 000đ/HS/tiết x 2tiết/tuần x 4tuần x 415 HS K1,2 x 9T = 358 560 000đ
(Khối 1,2 học 2 tiết/tuần: GV trung tâm)

- Khối 3,4,5: GV biên chế, GV buổi 2 dạy- Không thu tiền

Tổng thu dự kiến: 358 560 000 đồng

b. **Dự kiến chi:**

TT	MỤC CHI	%	SỐ TIỀN (đồng)
1.	Chi trả trung tâm (bao gồm chi trả lương 80 000đ/tiết; chi công tác quản lý, điều hành).	80%	286 848 000
2.	Phần còn lại đơn vị được sử dụng	20%	71 712 000
	+ Chi công tác quản lý	14%	20 079 360
	+ Hỗ trợ cơ sở vật chất.	5,6%	50 198 400
	+ 2% thuế (Các khoản nghĩa vụ khác)	0,4%	1 434 240

4.2. Học Tiếng Anh tăng cường (CT Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài liên kết với Trung tâm ngoại ngữ Hàng Hải) Với HS khối 2,3,4,5 có nhu cầu tự nguyện đăng kí.

a. **Dự kiến thu:** 25 000đ/HS/tiết (bao gồm cả học liệu) , thu theo tháng.

- Khối 2,3,4,5: 25 000đ/HS/tiết x 4 tiết/tháng x 830 HS K2,3,4,5 x 9T = 747 000 000đ

Tổng thu dự kiến: 747 000 000 đồng

b. **Dự kiến chi:**

TT	MỤC CHI	%	SỐ TIỀN (đồng)
1.	Chi trả trung tâm	85%	634 950 000
2.	Giữ lại nhà trường (Chi cơ sở vật chất, quản lí...)	15%	112 050 000
	+ Chi công tác quản lý	8%	59 760 000
	+ Chi hỗ trợ cơ sở vật chất.	6,7%	50 049 000
	+ 2% thuế (Các khoản nghĩa vụ khác)	0,3%	2 241 000

4.3. Học Kỹ năng sống: (liên kết với Trung tâm TVTL và ĐTKN Hương Vân)

a. **Dự kiến thu:** 50 000đ/HS/4tiết (bao gồm cả học liệu), thu theo tháng.

- Khối 1,3: 100 000đ/HS/8 tiết x 400 HS K1,3 x 9T = 360 000 000đ

- Khối 2,4,5: 50 000đ/HS4/tiết x 640 HS K2,4,5 x 9T = 288 000 000đ

Tổng thu dự kiến: 648 000 000 đồng

b. **Dự kiến chi:**

TT	MỤC CHI	%	SỐ TIỀN (đồng)
1.	Chi trả trung tâm.	84%	544 320 000
2.	Giữ lại nhà trường (Chi cơ sở vật chất, quản lí...).	16%	103 680 000
	+ chi công tác quản lý.	8%	51 840 000
	+ chi hỗ trợ cơ sở vật chất.	7,68%	49 766 400
	+ 2% thuế (Các khoản nghĩa vụ khác)	0,32%	2 073 600

5. Nước uống cho học sinh:

a. **Dự kiến thu:** 10 000đ/HS/tháng, thu theo tháng

10 000/HS/tháng x 1050 HS x 9 Tháng = 94 500 000đ

b. Dự kiến chi:

TT	MỤC CHI	%	SỐ TIỀN (đồng)
1	Trả tiền nhà cung cấp cho thuê máy lọc nước CS1.	55%	51 975 000
2	Hỗ trợ trả tiền nước sạch nguyên liệu, mua ca cốc, giá để nước...	10%	9 450 000
3	Trả chi phí vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống, kiểm định chất lượng nước lọc CS2.	35%	33 075 000

6. Trông coi xe đạp:

a. Dự kiến thu: 30.000đ/HS/tháng x 9 tháng x 270 HS = 71 280 000đ

b. Dự kiến chi:

TT	MỤC CHI	%	SỐ TIỀN đồng
1.	Chi bảo vệ trông coi xe 2 cơ sở	65%	39.204.000
2.	Mua vật tư, dụng cụ, công cụ, tăng cường CSVC	25%	14.256.000
3.	Thuế (Các khoản nghĩa vụ khác)	10%	7.128.000

II. CÁC KHOẢN THU HỘ - CHI HỘ:

2.1. Bảo hiểm y tế:

a. Dự kiến thu: Theo quy định của BHXH quận 73.710 đồng, thu 1 lần/năm (tháng 9 với lớp 1; tháng 11 với lớp 2,3,4,5)

- Học sinh lớp 1 gồm: Các tháng còn lại năm 2024, tính từ tháng 10/2024 (Theo tháng sinh của HS) và 12 tháng năm 2025.

- Học sinh khối 2,3,4,5: 884.520 đồng/hs/năm (12 tháng năm 2025).

b. Dự kiến chi:

- Nộp 100% về BHXH.

2.2. Quỹ Vòng tay bè bạn: Căn cứ Kế hoạch Liên ngành số 01/KH-LN ngày 12/9/2023 giữa Liên ngành phòng GD&ĐT và Quận đoàn Kiến An về triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027; Công văn số 86-CV/ĐTN ngày 19/9/2024 của BCH Quận đoàn Kiến An về việc tham gia quỹ “Vòng tay bè bạn” năm học 2024-2025;

a. Dự kiến thu: Thu theo năm với HS toàn trường- tháng 11: 48.000đ/HS/năm

Tổng thu dự kiến: 48.000đ/HS/năm x 1.000 = 48 000 000đ

b. Dự kiến chi:

- Nộp về Quận đoàn, Nhà Thiếu nhi: 25% của 48.000đ/HS/năm x 1000=12 000 000đ, nộp Chăn ấm mùa đông cho HS nghèo, có HCKK theo Kế hoạch của quận Đoàn hàng năm.

- Phần còn lại đơn vị được sử dụng:

+ Mua sắm, trang bị CSVC phục vụ công tác Đội.

+ Công tác đào tạo bồi dưỡng, tập huấn TPT, cán bộ Đội, PT Sao.

+ Hoạt động Đội.

- + Tặng học bổng Thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn.
- + Khen thưởng TT, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đội, PT Thiếu nhi.

III. CÁC KHOẢN THU ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN:

3.1. Báo Đội: Căn cứ Công văn Số 87-CV/ĐTN ngày 19/9/2024 của BCH Quận đoàn Kiên An về việc phát hành báo Đội năm học 2024-2025,

- a. Dự kiến thu:** Không quy định mức thu (thu theo nguyện vọng đăng kí của học sinh).
- b. Dự kiến chi:** - Nộp 100% về Quận đoàn

3.2. Quỹ Ban đại diện Cha mẹ HS trường- lớp:

a. Dự kiến thu: Không quy định mức thu (theo thỏa thuận, thống nhất của Ban đại diện Cha mẹ HS lớp). Quỹ Ban đại diện CMHS trường do Ban đại diện CMHS các lớp trích về.

b. Dự kiến chi: Do Ban đại diện Cha mẹ HS trường- lớp quyết định dựa trên Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ Hội cha mẹ học sinh; Hướng dẫn số 783/HD SGDĐT-TTr ngày 19/9/2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc hướng dẫn thực hiện Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, quản lý sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện, cụ thể:

TT	MỤC CHI
1.	Chi thưởng HS có thành tích học tập, rèn luyện
2.	Chi hỗ trợ bồi dưỡng HS yếu kém
3.	Giúp đỡ HS nghèo, HS khuyết tật, HS hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.
4.	Chi hỗ trợ các hoạt động NGLL (chuyên đề), GD truyền thống, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao của HS.
5.	Tổ chức các Hội nghị, hội thảo nâng cao chất lượng GD HS.
6.	Tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về GD với HS, CMHS.
7.	Tổ chức vận động HS bỏ học tiếp tục ra lớp.
8.	Tổ chức các cuộc họp thường kì, đột xuất của Ban đại diện
9.	Chi thăm hỏi, đám hiếu PHHS
10.	Chi khác

IV. CÁC KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ KHÁC (Nếu có): Đồng phục, vở...

Theo thỏa thuận với PPHS, thống nhất trong Biên bản họp, nếu PPHS ủy quyền cho nhà trường, nhà trường sẽ triển khai theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thu - chi các khoản tài trợ, thỏa thuận giữa nhà trường và phụ huynh học sinh của trường Tiểu học Đồng Hòa năm học 2024-2025, kính trình UBND quận, phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Tài chính - Kế hoạch quận Kiên An xem xét cho ý kiến chỉ đạo để nhà trường triển khai trong năm học này.

Nơi nhận:

- UBND quận Kiên An;
- Phòng GD&ĐT quận;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch quận;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Ngân